

Lớp Khai Tâm



Trường Việt Ngữ Nữ Vương Việt Nam

NỘI QUY

1. Học sinh phải ăn mặc chỉnh tề khi tới trường.
2. Học sinh đến lớp đúng giờ và hoàn thành bài vở trước khi vào lớp.
3. Học sinh cần tôn trọng các thầy cô, các chú bác giúp trật tự, và sinh hoạt trong giờ học cũng như giờ giải lao.
4. Trong giờ học, học sinh không được ra khỏi khuôn viên nhà trường trừ khi được sự chấp thuận của thầy cô hoặc ban giám hiệu.
5. Ngoài sách vở và học cụ do nhà trường qui định, học sinh không được mang theo những tư liệu như máy game, video hoặc hình ảnh cá nhân. Điện thoại di động phải được chuyển sang chế độ rung để khỏi gây sự chia trí cho thầy cô và các bạn học.
6. Khi cần những học liệu hoặc ra khỏi lớp vì lý do cá nhân, học sinh cần thông báo cho thầy cô hoặc người phụ trách. Không tự động qua lại trong lớp hay rời bỏ lớp học mà không xin phép.
7. Học sinh vắng mặt cần có giấy xin phép của cha mẹ và nộp cho giáo viên phụ trách trong giờ học tới khi trở lại trường, hoặc phụ huynh có thể điện thoại thông báo cho thầy cô chủ nhiệm. Nhà trường sẽ liên lạc với phụ huynh nếu con em mình vắng mặt không phép liên tục.
8. Học sinh cần tôn trọng tài sản chung. Không được vẽ trên tường và xả rác trong lớp học.
9. Phụ huynh sẽ chịu trách nhiệm bồi thường nếu con em mình phá hư đồ đạc hoặc tài sản của học đường.
10. Ban Giáo Dục cần sự giúp đỡ của quý phụ huynh về việc giám thị các em trong giờ học. Các phụ huynh có thể thay phiên nhau giúp đỡ để tránh các em ra khỏi khuôn viên nhà trường và vẽ bậy trên tường gây thiệt hại đến tài sản chung.

MỤC LỤC

<u>Tựa đề</u>	<u>Trang</u>
Nội quy	1
Mục mục	2
Lời mở đầu	3
Vài hướng dẫn tổng quát	4 - 6
Bài học 1: chữ A – Số 1	7 - 10
Bài học 2: chữ B – Số 2	11 - 14
Bài học 3: chữ C – Số 3	15 - 18
Bài học 4: chữ D – Số 4	19 - 22
Bài học 5: chữ Đ – Số 5	23 - 26
Bài học 6: chữ E, Ê	27 - 31
Bài học 7: chữ G, H – Số 6	32 - 37
Bài học 8: dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng – Số 7	38 - 42
Bài học 9: chữ I, K – Số 8	43 - 48
Bài học 10: chữ L, M – Số 9	49 - 54
Bài học 11: chữ N, O – Số 10	55 - 60
Bài học 12: chữ Ô, Ơ – Số 11	61 - 66
Bài học 13: chữ U, Ư – Số 12	67 - 71
Bài học 14: chữ R, S	72 - 78
Bài học 15: chữ T, V	79 - 85
Bài học 16: chữ P, PH, Q, QU	86 - 93
Bài học 17: chữ Ă, Â	94 - 97
Bài học 18: chữ X, Y	98 - 103

Lời Mở Đầu

Bảo tồn tiếng Việt luôn luôn là mối ưu tư cho cộng đồng người Việt hải ngoại. Bảo tồn tiếng Việt không chỉ là bảo tồn một thứ ngôn ngữ mà là bảo tồn các giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Đặt căn bản trên tinh thần đó, ban biên soạn xin giới thiệu với quý thầy cô dạy Việt ngữ khắp nơi và quý vị phụ huynh một bộ sách Việt ngữ, để mong đóng góp phần nào vào công việc dạy ngôn ngữ và các giá trị của văn hóa Việt Nam cho con em chúng ta ở hải ngoại.

Bộ sách được viết dựa trên các nguyên tắc tổng quát như sau:

1. Dành cho các em học sinh sinh trưởng trong gia đình Việt Nam ở hải ngoại với tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai.

2. Những bài học mang nội dung giới thiệu văn hóa Việt Nam, kiến thức tổng quát thích ứng với sự suy nghĩ và sinh hoạt của các em hải ngoại và xây dựng một nguồn ngữ vựng phong phú giúp cho các em tiến triển hơn trong việc nói và viết tiếng Việt.

4. Tiến trình dạy học của bộ sách đi từ dễ tới khó. Phương pháp áp dụng là lặp đi lặp lại nhiều lần. Khi hoàn tất chương trình học, học sinh có thể đọc sách, báo, và viết được một bài văn trung bình.

5. Các bài tập đọc từ lớp 1 trở lên dựa trên những chủ đề về lịch sử, đạo đức, quê hương và kiến thức tổng quát.

6. Để giúp cho thầy cô đỡ mất thì giờ. Ban biên soạn đã soạn sẵn bài kiểm và bài thi. Sau mỗi 3 bài học thì có 1 bài kiểm. Sau nửa số bài của quyển sách có 1 bài thi. Tất cả được đặt ở phần cuối quyển sách.

Mục đích chính của chúng tôi khi soạn bộ sách này là để góp phần vào công việc dạy Việt ngữ ở hải ngoại. Vì vậy, ban biên soạn không giữ lại bản quyền mà chỉ mong bộ sách được nhiều trường học dùng. Nếu bộ sách có những sai sót thì xin thứ lỗi và cho chúng tôi biết để sửa chữa.

Trân trọng,

Ban biên soạn

Trần Văn Minh

Đinh Ngọc Thu

Orange County, California – tháng 9, 2012

Mọi thắc mắc hay ý kiến xin gửi về điện thư: tranvminh77@gmail.com

Vài hướng dẫn tổng quát

Hướng dẫn phát âm và đánh vần

Mỗi mẫu tự tiếng Việt gồm có tên để đánh vần và âm để đọc:

1. Tên (name): a, bê, xê, dê, đê...
2. Âm (sound),(syllable): a, bờ, cờ, dờ, đờ...

Ngay từ bước đầu, thầy cô giáo cần dạy các em phân biệt rõ:

Cách đánh vần(spell) và **cách phát âm**(pronounce)

Đánh vần đúng sẽ viết chính tả đúng, phát âm đúng sẽ đọc đúng.

Dạy phát âm và đánh vần là bước quan trọng nhất trong việc dạy tiếng Việt. Hai phần này phải được dạy song song với nhau và không nên bỏ sót phần nào.

Mẫu tự tiếng việt	Đánh vần để viết chính tả (spell to write)	Phát âm để tập đọc (Pronounce to read)
17 PHỤ ÂM ĐƠN	Đánh vần và phát âm khác nhau	
B	bê	bờ
C	xê	cờ (kờ)
D	dê	dờ
Đ	đê	đờ
G	giê	gờ
H	hát	hờ
K	ka	cờ (kờ)
L	e-lờ	lờ
M	em-mờ	mờ
N	en-nờ	nờ
P	pê	pờ
Q	cu	quờ
R	e-rờ	rờ
S	ét-sờ	sờ
T	tê	tờ
V	vê	vờ
X	ít-xờ	xờ
12 NGUYÊN ÂM	Đánh vần và phát âm giống nhau	
A	a	a

KHAI TÂM

Tên: _____

Ă	á	á
Â	ơ	ơ
E	e	e
Ê	ê	ê
I	i	i
O	o	o
Ô	ô	ô
Ơ	ơ	ơ
U	u	u
Ư	ư	ư
Y	i-cờ-rết	i...
11 PHỤ ÂM GHÉP		
Ch	xê hát	chờ
Gi	giê-i	giờ
Kh	ka-hát	khờ
Ng	en-giê	ngờ
Ngh	en-giê-hát	ngờ
Gh	giê-hát	gờ
Nh	en-hát	nhờ
Ph	pê-hát	phờ
Qu	cu-u	quờ
Th	tê-hát	thờ
Tr	tê-e-rờ	trờ
RÁP VẦN		
Ba	bê-a ba	bờ-a ba
Mẹ	em-mờ-e-me nặng mẹ	mờ-e-me nặng mẹ
Chị	xê-hát-i-chi nặng chị	chờ-i-chi nặng chị
Thầy	tê-hát-ơ-i-cà-rết-thầy huyền thầy	thờ-ây-thầy-huyền thầy
Khỏe	ka-hát-o-e khoe hỏi khỏe	khờ-oe-khoe hỏi khỏe
Viết	vê-i-ê-tê-viết nặng viết	vờ-iết-viết nặng viết
Ngoan	en-giê-o-a-en-oan, ngoan	ngờ-oan ngoan
Ngoào	en-giê-o-e-o-eo huyền ngoào	ngờ-oeo-ngoeo huyền ngoào
Khuy	ka-hát-u-i-cờ-rết-uy khuy	khờ-uy khuy

KHAI TÂM

Tên: _____

Khuynh	ka-hát-u-i-cờ-rết-en-hát-uynh khuyh	khờ-uynh khuyh
Khuyên	ka-hát-u-i-cờ-rết-ê-en-uyên khuyên	khờ-uyên khuyên
Giỏ	Giê-i-o hỏi giỏ	giờ-o gio hỏi giỏ
Giảng	Giê-i-a-en-giê-giang hỏi giảng	giờ-ang giang hỏi giảng
Gìn	Giê-i-en-gin huyền gìn	giờ-in-gin huyền gìn
Quả	cu-u-a hỏi quả	quờ-a-quà hỏi quả
Quần	cu-u-ô-en-quân sắc quần	quờ-ân-quân sắc quần

Những vần cần ghi nhớ:

Vần **NG** phải thêm chữ **H** khi được ghép với:

- Ba nguyên âm đơn: **e, ê, i** (nghe, nghe, nghĩ...)
- Năm nguyên âm ghép: **eo, êu, ia, iêu, iu** (nghèo, ngheu, nghĩa, ngheu, nghiu)
- Năm chữ: **iêm, iên, iêng, ênh, inh** (nghiêm, nghe, nghe, nghe, nghe)

Chữ **G** khi ghép với ba nguyên âm đơn: **e, ê, i** phải thêm chữ **H** (ghe, ghé, ghé, ghi...)

Chữ **Q** không đứng riêng một mình mà luôn được ghép với **u** = qu (quê, qua, quen...)

Chữ **P** không đứng riêng một mình mà luôn được ghép với **h** = ph (phở, phương, phi...)

Hướng dẫn về cách dạy lớp khai tâm

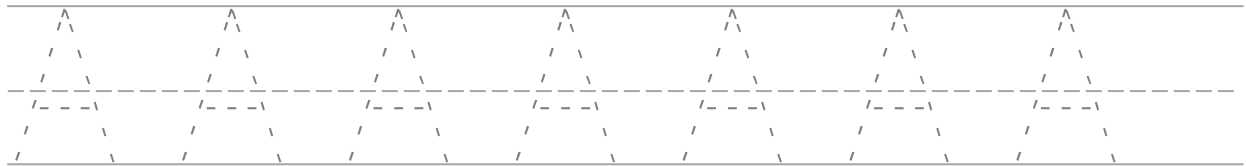
Chương trình dạy Việt ngữ ở các trường Việt ngữ cuối tuần thông thường bắt đầu từ 7 tuổi; khi học sinh đã xong lớp mẫu giáo ở trường tiểu học và các em đã nhận diện và biết viết các mẫu tự. Sách lớp khai tâm được viết vì nhu cầu của một số trường muốn nhận học sinh từ 5 hay 6 tuổi. Ở cỡ tuổi này, các em chưa biết viết cũng như nhiều em chưa đi học lớp vườn trẻ. Vì thế việc dạy lớp khai tâm có hơi khác lớp mẫu giáo ở chỗ vẫn học các mẫu tự, nhưng chỉ tập đọc tên và tập viết mẫu tự mà không học đánh vần. Mục đích chính của lớp khai tâm là để học sinh biết tên và viết được 29 mẫu tự. Ngoài ra, những kiến thức phụ thuộc khác như về màu sắc và con số chỉ để các em nhận biết chứ không nhất thiết phải biết viết các ngữ vựng đó.

Học sinh cỡ 5, 6 tuổi chỉ có khoảng thời gian chú tâm không quá 15 phút. Vì thế các sinh hoạt trong lớp nên có thêm những việc làm khác để giúp các em không chán nản. Trong giới hạn của sách giáo khoa, chúng tôi chỉ cung cấp các dữ liệu về việc dạy tiếng Việt. Quý thầy cô có thể tìm thêm những tài liệu riêng tùy theo nhu cầu.

Ban biên soạn

A a

A. Tập viết

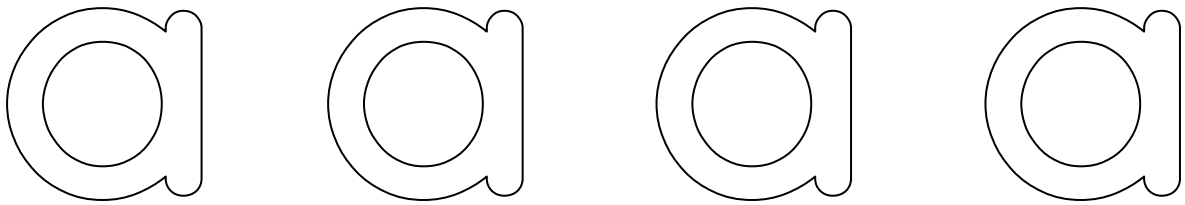
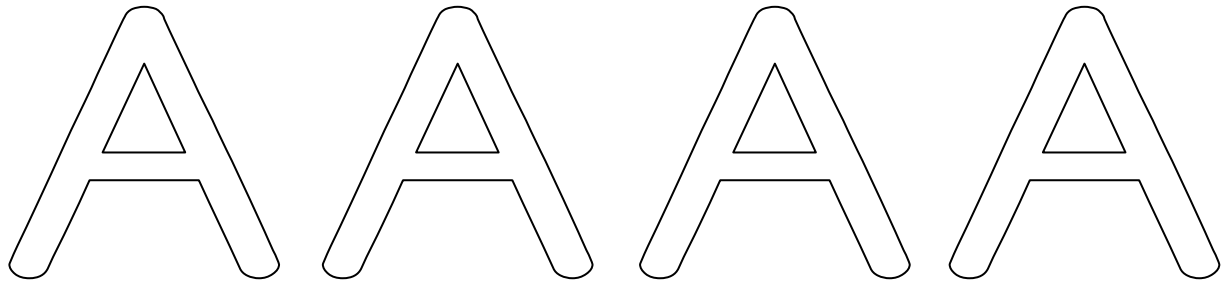


Blank three-line grid for independent writing practice of uppercase letter A.



Blank three-line grid for independent writing practice of lowercase letter a.

B. Tô màu lên chữ A và a



C. Đồ lên chữ A và a

Anh

Hai

An

Cha

Ba

Ca

La

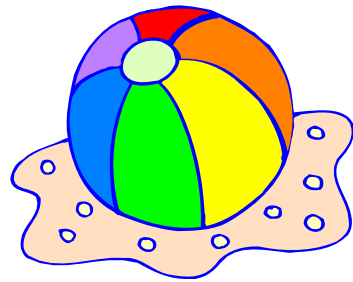
bao

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

ma



ba



banh



la



ca



anh

Đ. Tập viết số 1

số một

--	--	--	--	--	--	--	--

--

E. Tô màu lên số 1

4 1 3 1

1 5 1 7

B b

A. Tập viết

B B B B B B B B B

b b b b b b b b b

B. Tô màu lên chữ B và b

B B B B B

b b b b b

C. Đồ lên chữ B và b

Bà

Bánh

Bác

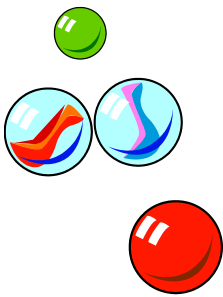
bạn

Bò

bé

bồ

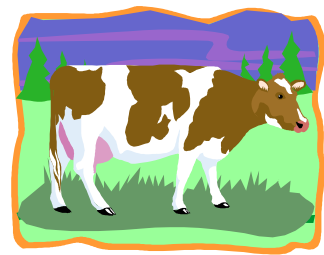
bi

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

bi



bánh



bò



bạn



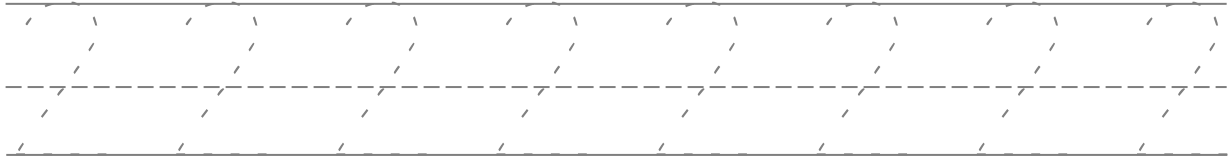
bé



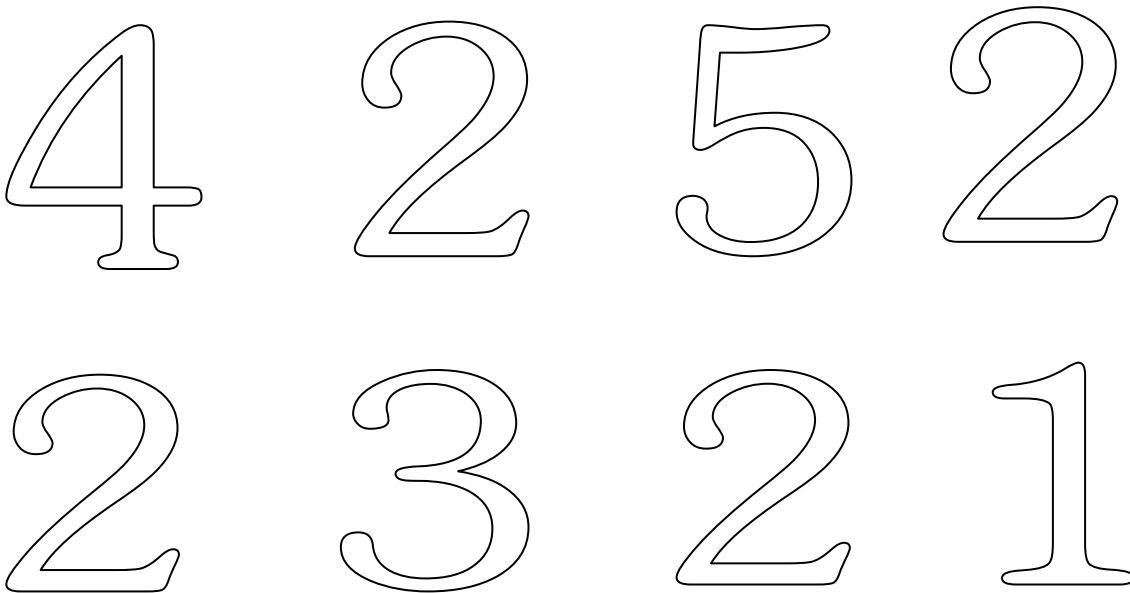
bà

Đ. Tập viết số 2

số hai



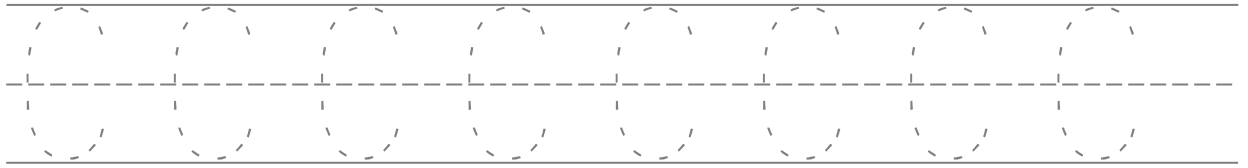
E. Tô màu lên số 2

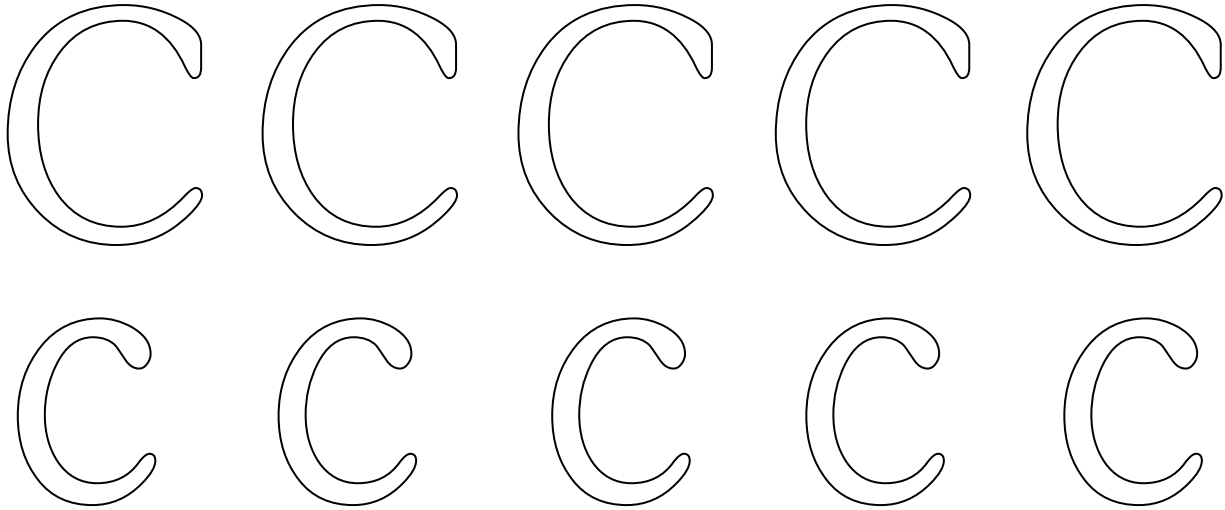


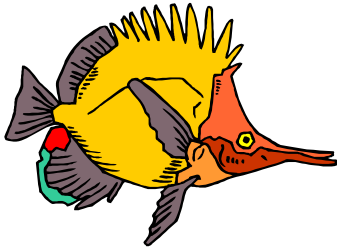
Bài học 3

C c

A. Tập viết



B. Tô màu lên chữ C và c**C. Đồ lên chữ C**

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

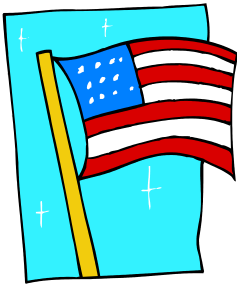
cá



cua



cô



cờ



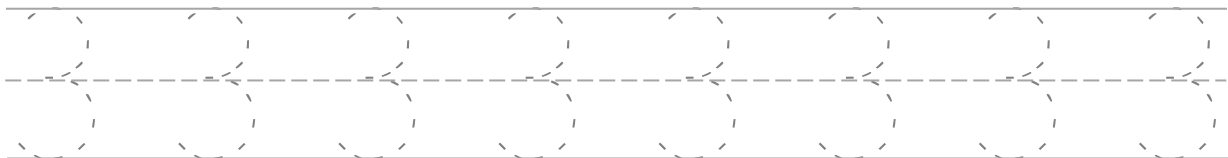
cụ



cú

Đ. Tập viết số 3

số ba



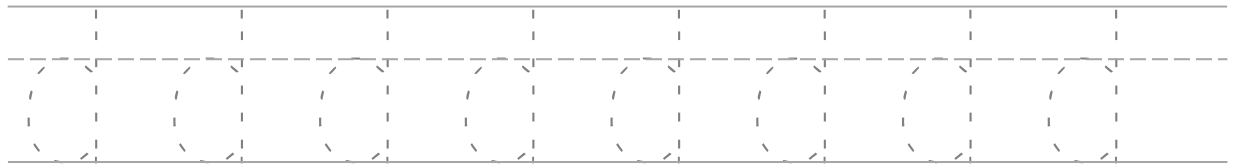
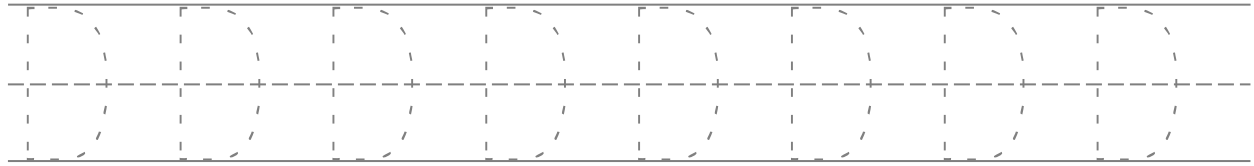
E. Tô màu lên số 3

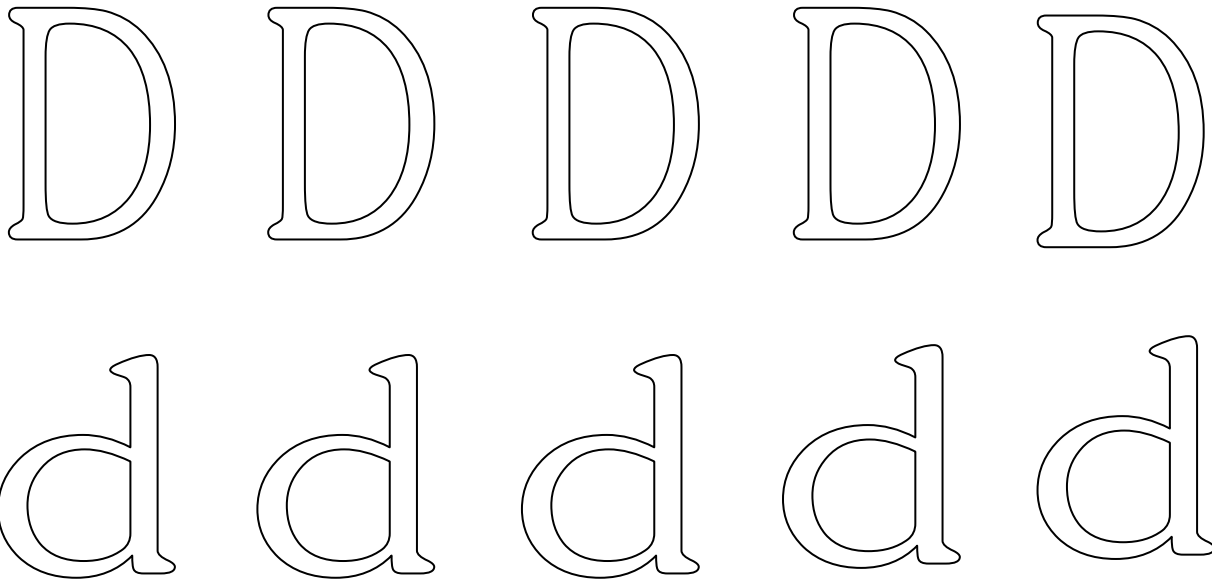
4 3 2 3

3 5 3 1

D d

A. Tập viết



B. Tô màu lên chữ D và d**C. Đố lên chữ D và d**

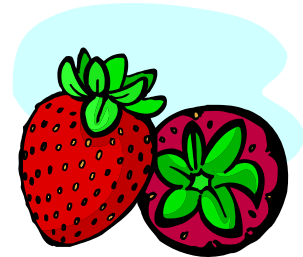
Dế	dép
Đê	dù
Đâu	dao
Dừa	dây

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

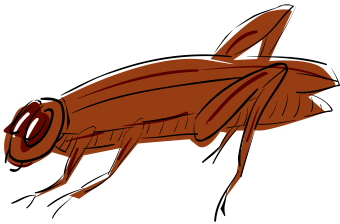
dù



dao



dâu



dế



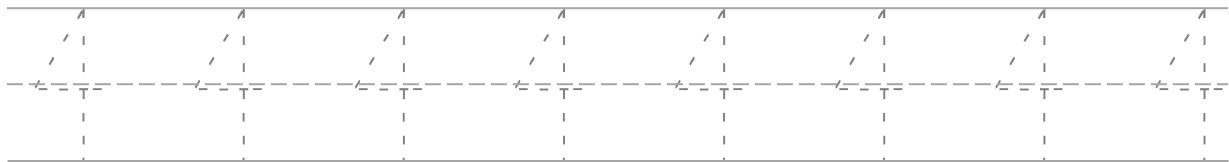
dê



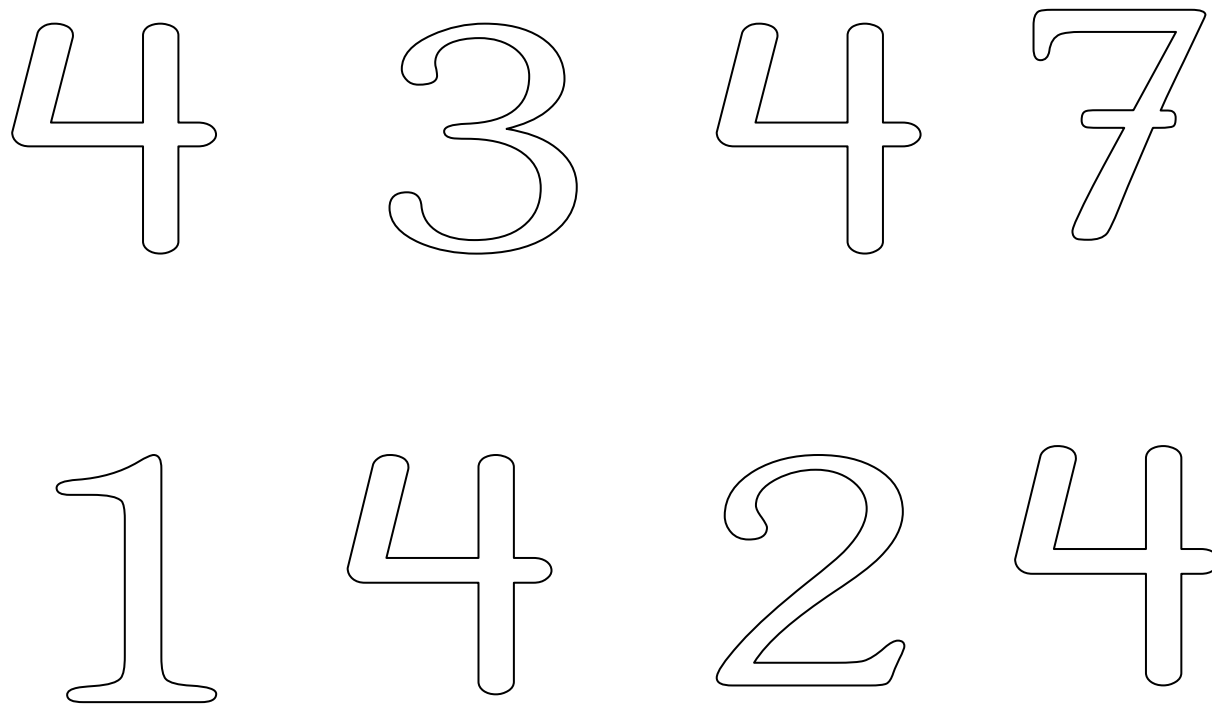
dép

D. Tập viết số 4

số bốn



E. Tô màu lên số 4



Đ đ

A. Tập viết

Đ Đ Đ Đ Đ Đ Đ Đ

đ đ đ đ đ đ đ đ

B. Tô màu lên chữ Đ và đ

Đ Đ Đ Đ Đ

đ đ đ đ đ

C. Đồ lên chữ Đ và đ

Đinh

đào

Đá

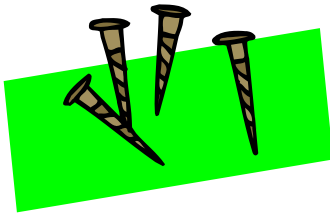
đầu

Đi

đèn

Đàn

đỏ

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

đinh



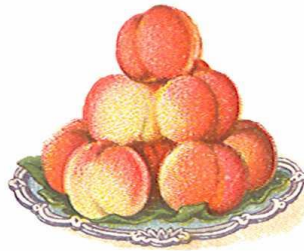
đá



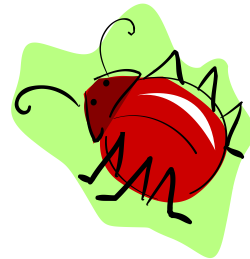
đi



đàn



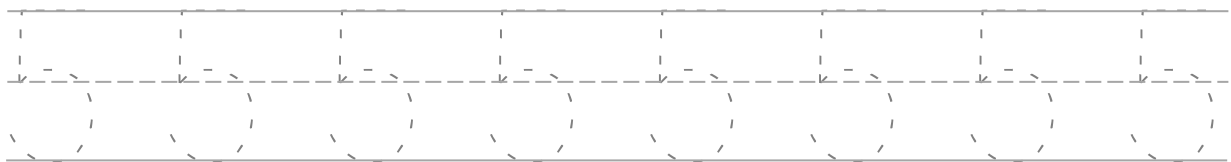
đào



đỏ

Đ. Tập viết số 5

số năm



E. Tô màu lên số 5

5

3

5

6

2

5

4

5

5

1

5

8

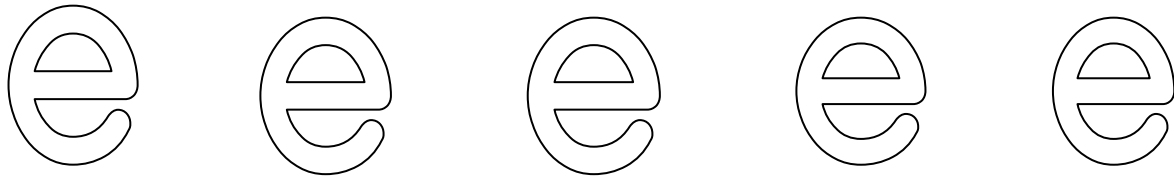
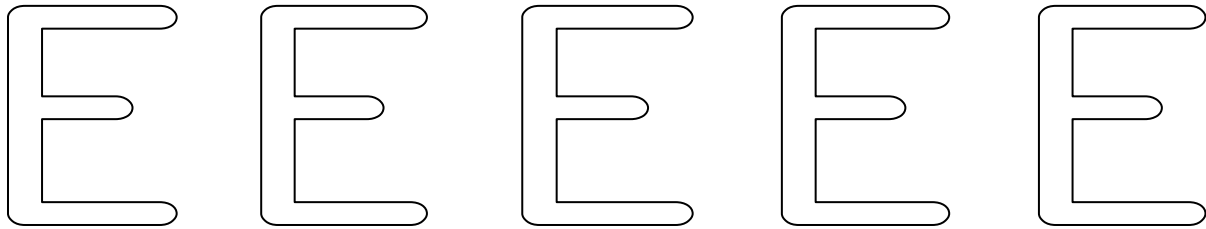
Bài học 6

E e Ê ê

A. Tập viết

E E E E E E E E E

e e e e e e e e e

B. Tô màu lên chữ E và e**C. Đồ lên chữ E và e**

Em

Heo

Xe

Tem

Ve

Kem

Kéo

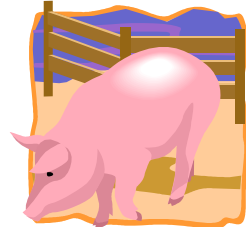
Mèo

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

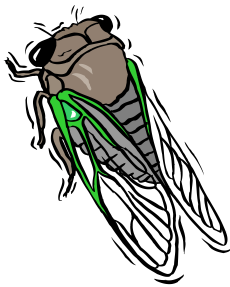
kéo



xe



heo



ve



kem



mèo

eêê

Đ. Tập viết

ê ê ê ê ê ê

ê ê ê ê ê ê ê ê ê

E. Tô màu lên chữ Ê và êÊ Ê Ê Ê Ê
ê ê ê ê ê

G. Đồ lên chữ Ê và ê

Lê
Ếch

Sên

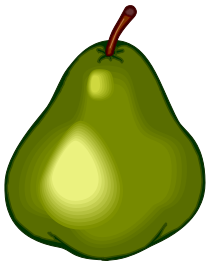
Tên

Mền

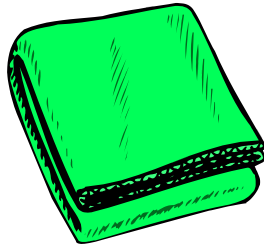
Tết

Kệ

Hề

H. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

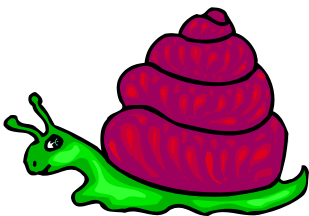
lê



mền



ếch



sên



tên



hề

Bài học 7

G g

H h

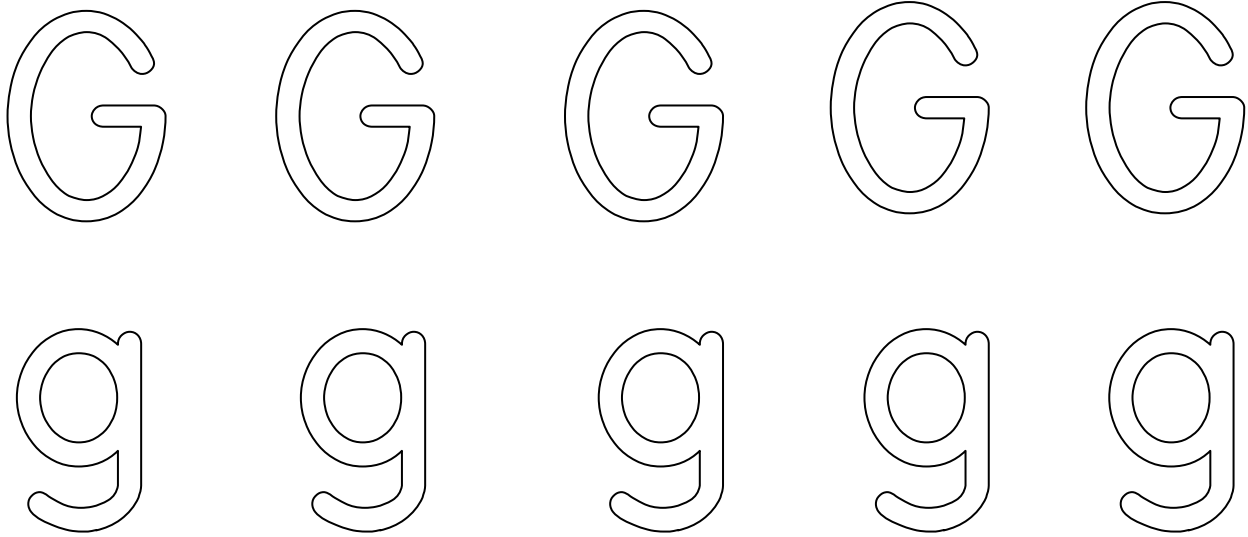
A. Tập viết

G G G G G G G G

Handwriting practice lines for uppercase 'G'. The first row contains a dashed 'G' for tracing. Below it are two sets of empty three-line guides (top solid, middle dashed, bottom solid) for independent practice.

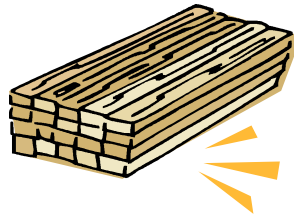
g g g g g g g g

Handwriting practice lines for lowercase 'g'. The first row contains a dashed 'g' for tracing. Below it are two sets of empty three-line guides (top solid, middle dashed, bottom solid) for independent practice.

B. Tô màu lên chữ G và g**C. Đồ lên chữ G và g**

Ghế	Gà
Giun	Ghe
Giờ	Ngủ
Gỗ	Ngựa

Đọc tên những hình sau đây:



gỗ

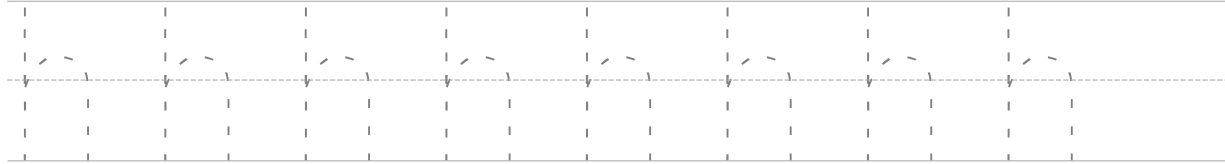
gà



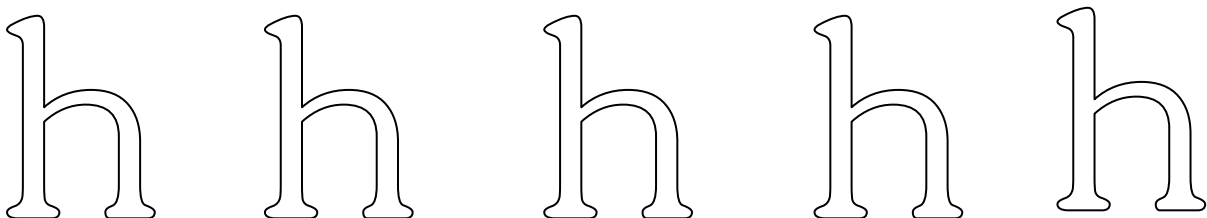
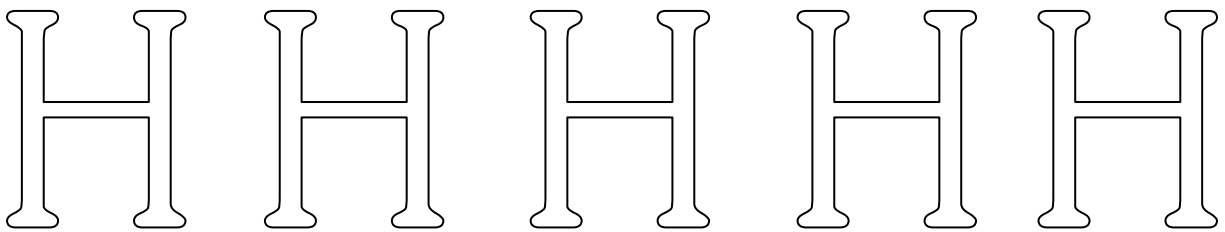
ghe

ngủ

[illegible]



E. Tô màu lên chữ H và h



G. Đố lên chữ H và h

Hổ

Nhà

Hồ

Chó

Hoa

Chanh

Hình

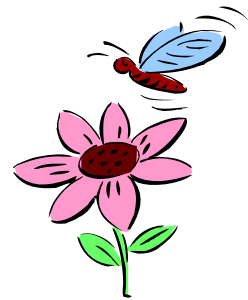
Chị

H. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

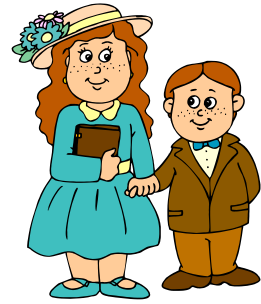
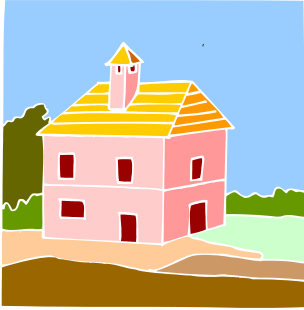
hổ



hồ



hoa



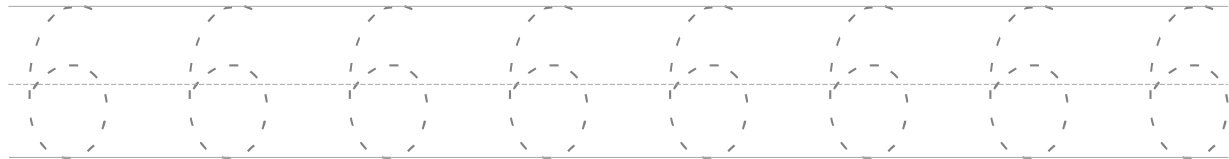
nhà

chó

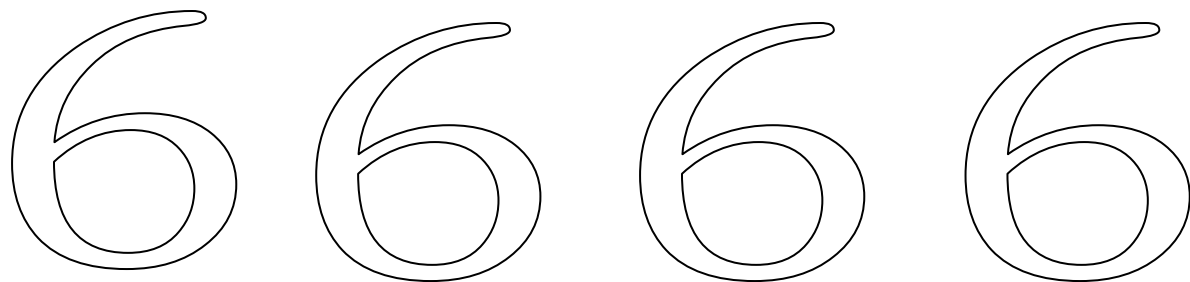
chị

I. Tập viết số 6

số sáu



K. Tô màu lên số 6



Á

À

Ả

Ã

Ạ

A. Tập viết

Á

À

Ả

Ã

Ạ

É

È

Ê

Ê

Ê

Ế

Ề

Ể

Ễ

Ệ

B. Tô màu lên những chữ sau

Ề

Ề

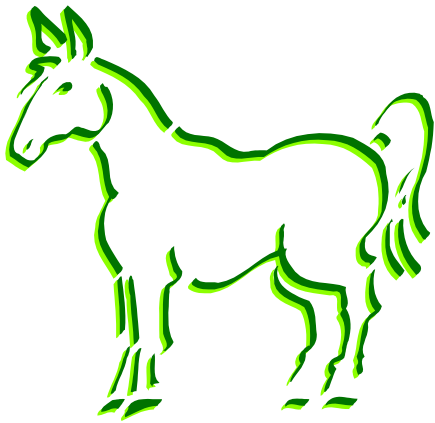
Ể

Ề

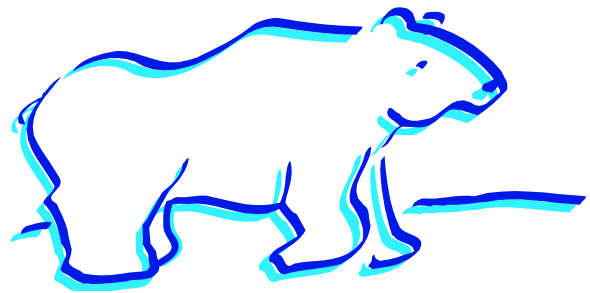
Ệ

á à ả ã ạ

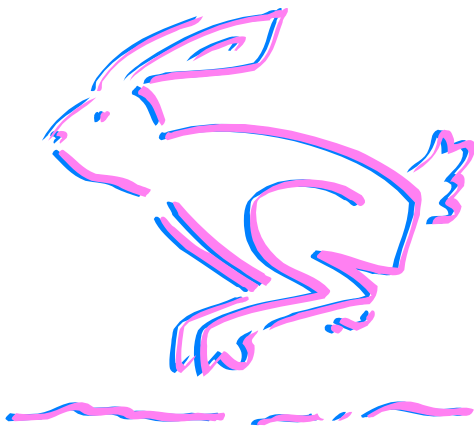
C. Đọc tên và tô màu những hình sau đây:



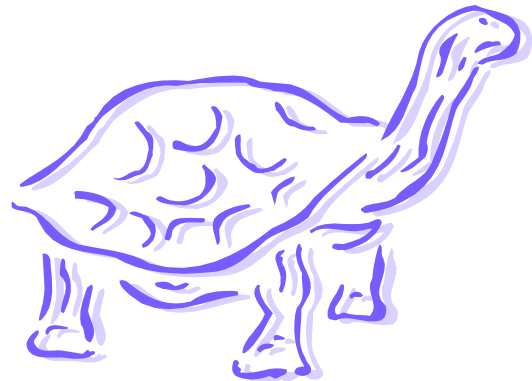
ngựa



gấu



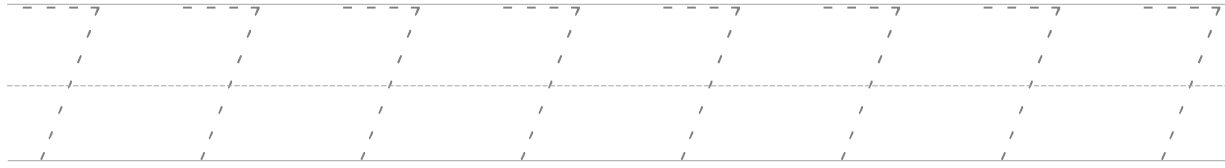
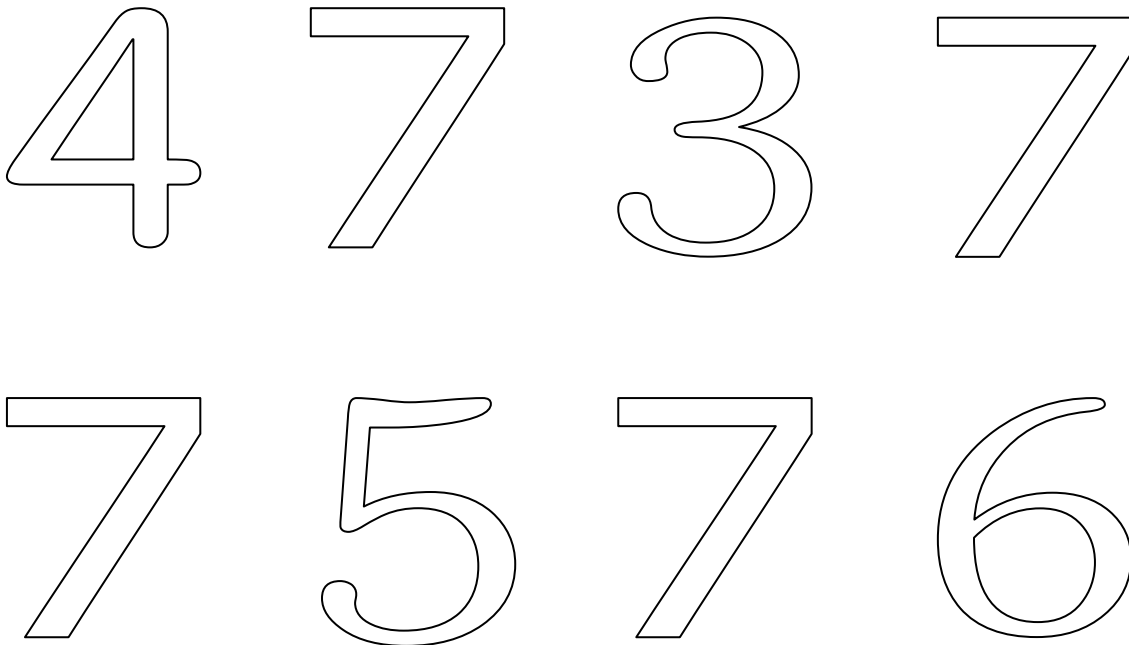
thỏ



rùa

D. Tập viết số 7

số bảy

**Đ. Tô màu lên số 7**

Bài học 9

I i K k

A. Tập viết

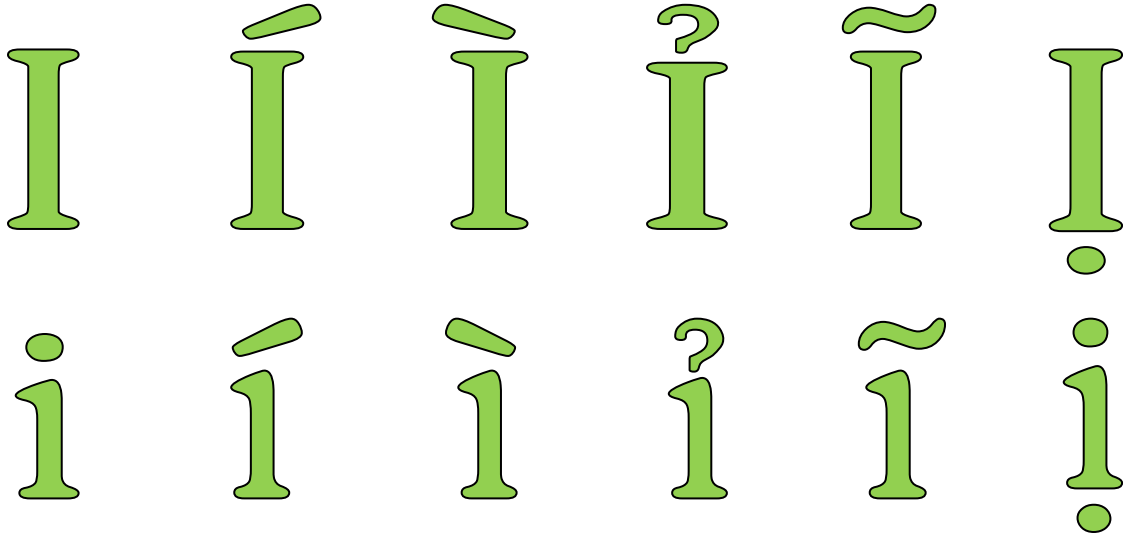
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

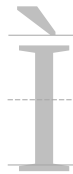
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

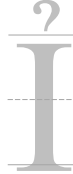
B. Tập đọc



C. Tập viết





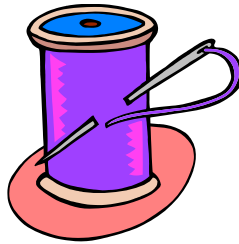


ĩ

i

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

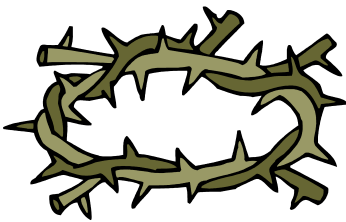
bị



chỉ

2

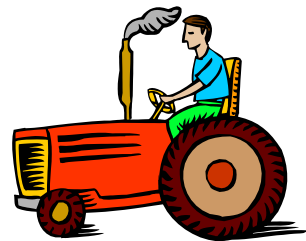
hai



gai

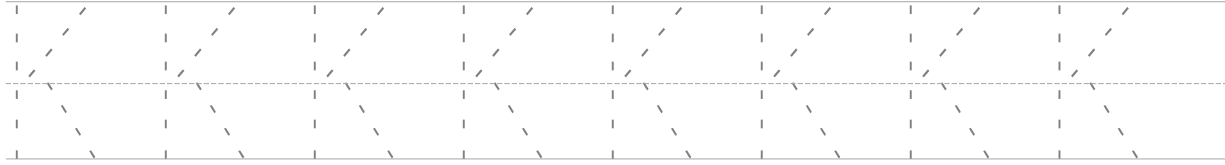


chải

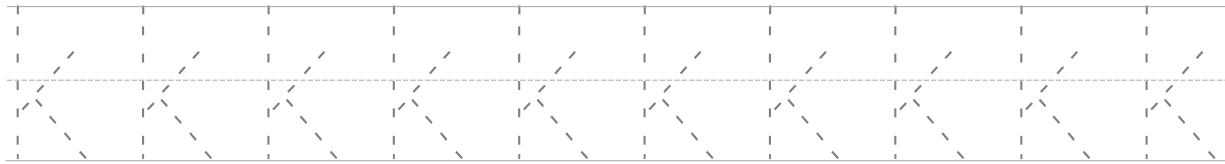


lái

Đ. Tập viết



Blank primary writing lines (top solid, middle dashed, bottom solid) for independent practice.



Blank primary writing lines (top solid, middle dashed, bottom solid) for independent practice.

E. Tập đọc

Kì Kí Kì Kỉ Kĩ Kị

G. Tập viết

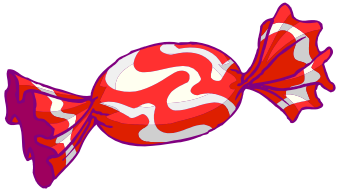
kí

kì

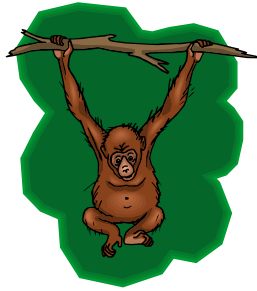
kỉ

kĩ

kị

H. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

kẹo



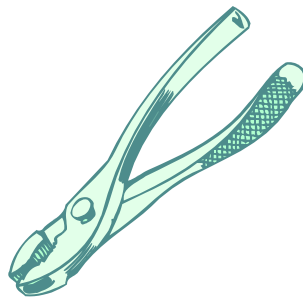
khỉ



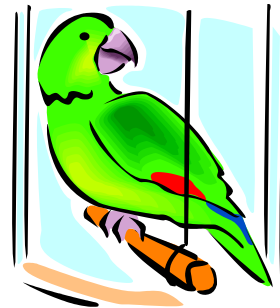
kèn



kiến



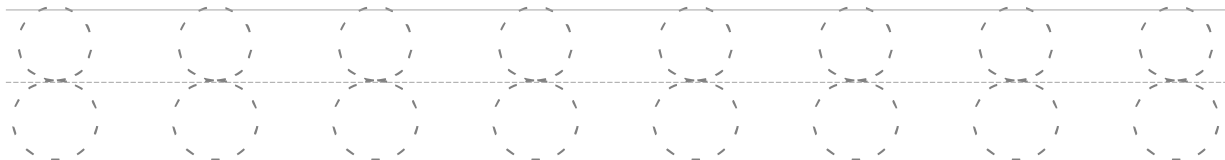
kìm



két

I. Tập viết số 8

số tám

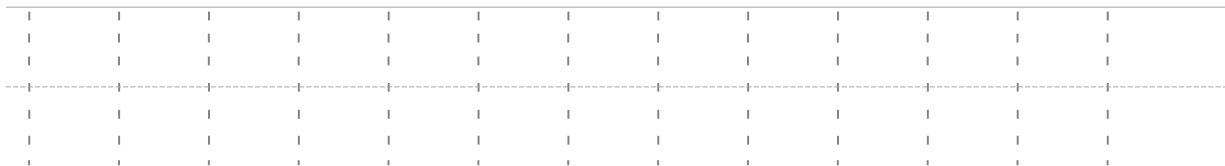
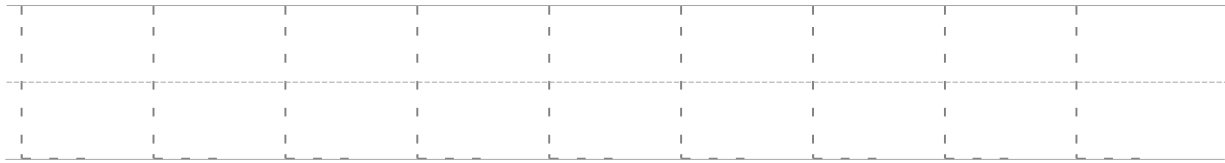


Bài học 10

L l

M m

A. Tập viết



B. Tập đọc

Là Lá Là lả lã lạ

C. Tập viết

lá

là

lả

lã

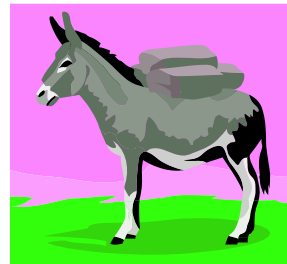
lạ

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

lá



lính



lừa



lọ

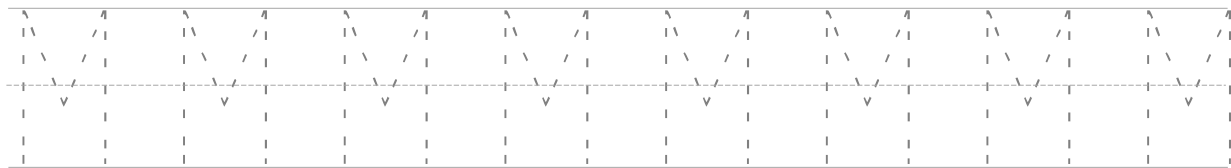


lông



lạnh

Đ. Tập viết



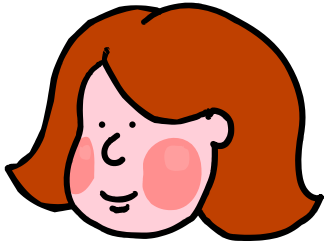
Blank handwriting practice lines consisting of three horizontal lines (top, middle dashed, bottom) for independent practice.



Blank handwriting practice lines consisting of three horizontal lines (top, middle dashed, bottom) for independent practice.



E. Tập đọc*Me**Mé**Mè**mẻ**mẽ**mẹ***G. Tập viết***mé**mè**mẻ**mẽ**mẹ*

H. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

má



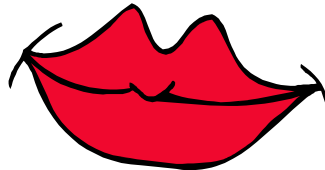
mắt



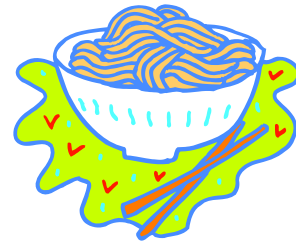
mũi



mặt



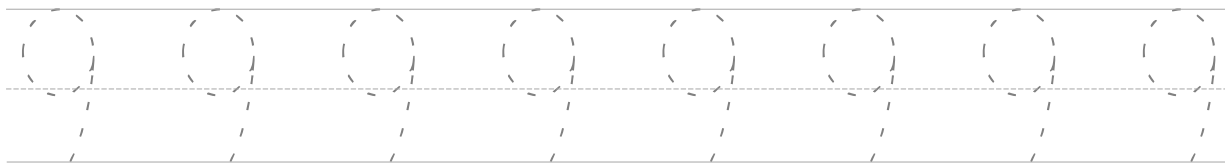
môi



mì

I. Tập viết số 9

số chín



Bài học 11

N n

O o

A. Tập viết

N N N N N N N N N N N N N N N N

O O O O O O O O O O O O O O O O

B. Tập đọc

Na Ná Nè nẻ nã nị

C. Tập viết

ná

nè

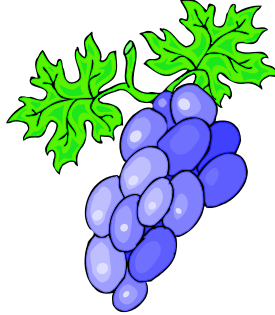
nẻ

nã

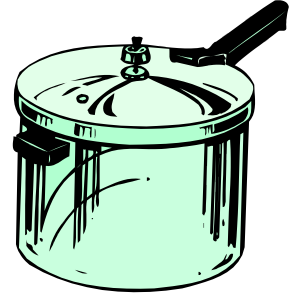
nị

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

nai



nho



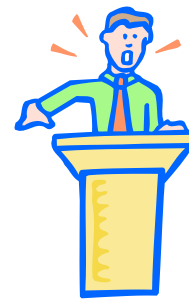
nồi



ngã



nóng



nói

Đ. Tập viết

Tracing practice lines for the letter 'o'.

o o o o o o o o



E. Tập đọc

no nó cò cỏ gỏ gọ

G. Tập viết

no

cò

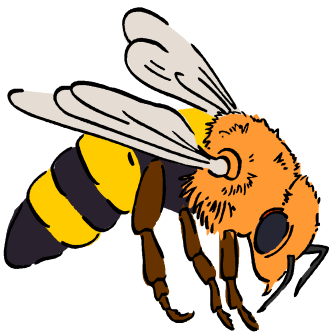
cỏ

gỗ

gọ

H. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:



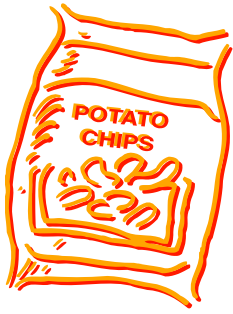
ong



cò



loa



gói



còi

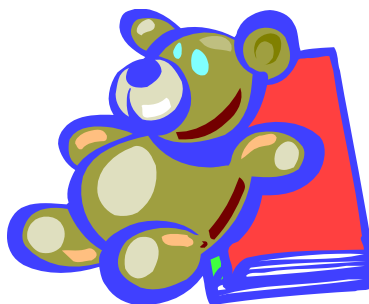


đói

I. Tập viết số 10

số mười

10 10 10 10



Bài học 12

Ô

ô

Ơ

ơ

A. Tập viết

Ô

ô

B. Tập đọc

ô ồ ồ ỏ ỗ ộ

Bô Bồ Bồ bổ bổ bộ

C. Tập viết

bồ

bồ

bổ

bổ

bộ

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

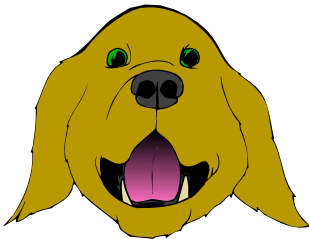
cổ



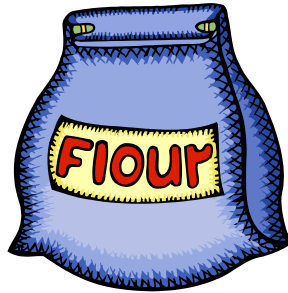
lỗ



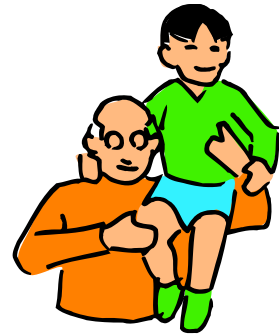
ôm



mồm



bột



ông

Đ. Tập viết

Ơ

Ơ

E. Tập đọc

Ơ ớ ờ ở ỡ ợ

ơ ớ ờ ở ỡ ợ

G. Tập viết

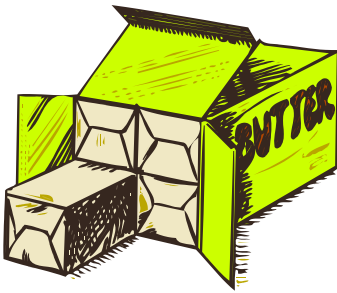
ơ

ờ

ở

đỡ

độ

H. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

bơ



cờ



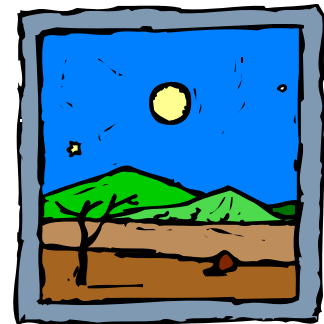
nơ



mở



chờ



trời

I. Tập viết số 11

mười một

Handwriting practice lines for the number 11. The first row contains eight dashed '11' characters for tracing, each with a small arrow indicating the starting point and direction of the stroke. Below this are two sets of empty three-line guides (top solid, middle dashed, bottom solid) for independent practice.



Bài học 13

U u ư ư

A. Tập viết

U u U u U u U u U u U u U u U u

U u U u U u U u U u U u U u U u

Handwriting practice lines consisting of three horizontal lines (top, middle dashed, bottom) repeated twice.

U

Handwriting practice lines consisting of three horizontal lines (top, middle dashed, bottom) repeated twice.

ư

Handwriting practice lines consisting of three horizontal lines (top, middle dashed, bottom) repeated twice.



B. Tập đọc

U Ú Ù Ủ Û Ụ

hư hứ hù cử cữ cự

C. Tập viết

hứ

hù

cử

cữ

cự

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

chú



đu đủ



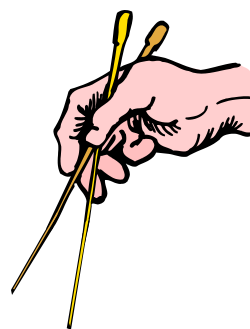
hũ



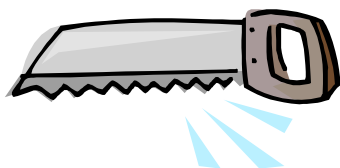
núi



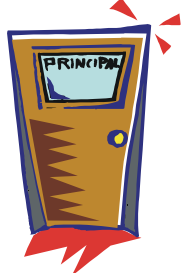
bụng



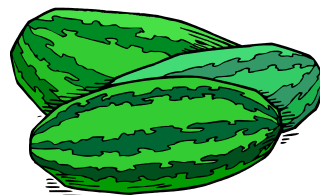
đũa

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

cưa



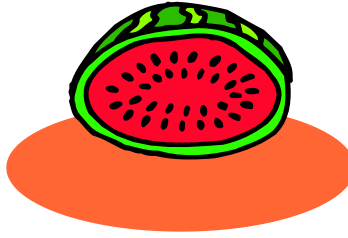
cửa



dưa



mưa



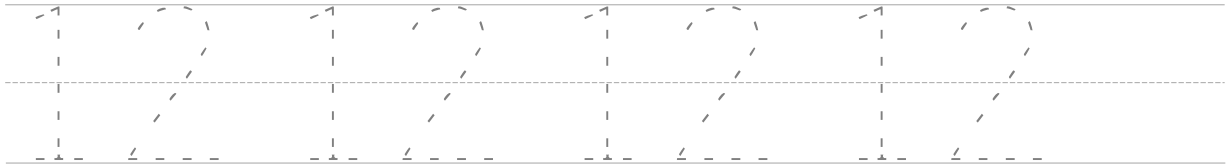
nửa



dừa

E. Tập viết số 12

mười hai



Blank lines for writing practice, including a dashed midline for number formation.



Bài học 14

R r S s

A. Tập viết

R R R R R R R R R R

r r r r r r r r r r

B. Tập đọc

Ra Rá Rà rẻ rẽ
Ru Rú Rù rồ rỗ

C. Tập viết

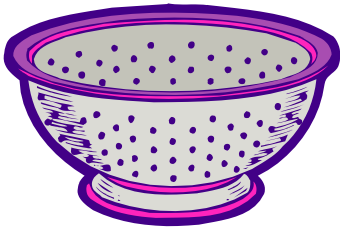
rú

rù

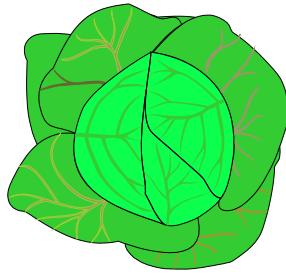
rủ

rũ

rụ

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

rổ



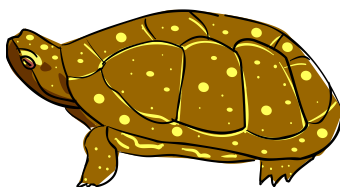
rau



râu



rồng



rùa



ruồi

Đ. Tập viết

S S S S S S S S

S S S S S S S S S

E. Tập đọc

Sa Sá Sà Sỉ Sĩ Sị
 sô sồ sỗ sỏ sỡ sộ

G. Tập viết

sô

sồ

sỗ

sỏ

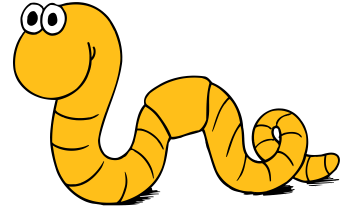
sỡ

H. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

sao



sách



con sâu



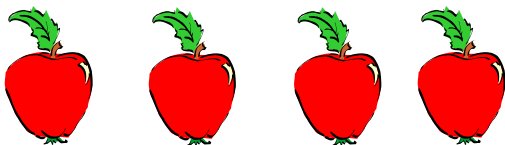
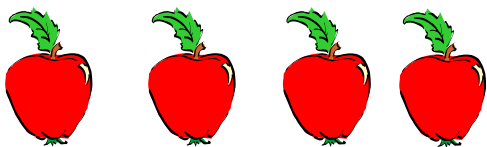
con sóc



sữa

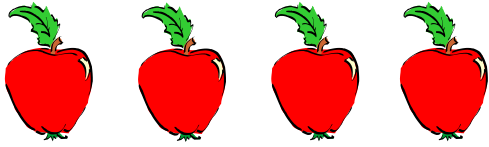


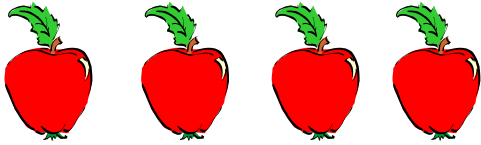
con sò

I. Đếm những trái táo và viết số bên cạnh

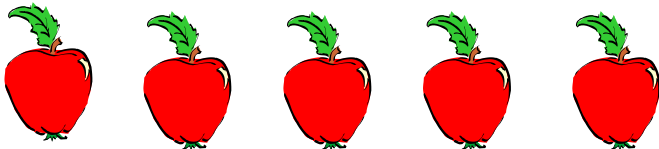
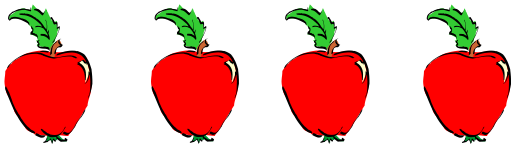
KHAI TÂM

Tên: _____









Bài học 15

T t V v

A. Tập viết

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

B. Tập đọc

Tơ Tớ Tờ Tở Tổ Tợ

Tư Tú Từ Tủ Tũ Tụ

C. Tập viết

tơ

tờ

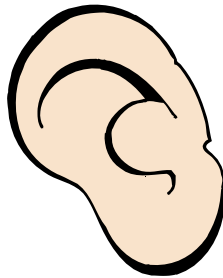
tả

tã

tạ

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

tã



tai



tay



tim

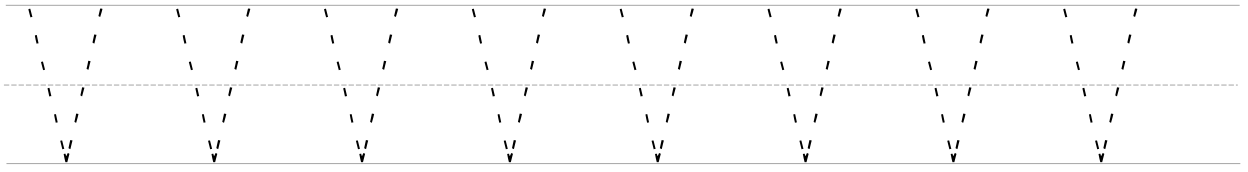


tàu



tủ

Đ. Tập viết



E. Tập đọc

Vi Vĩ Vĩ Vỉ Vĩ Vị
Ve Vé Vè Vẻ Vẽ Vẹ

G. Tập viết

Vĩ

Vĩ

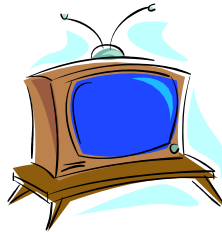
Vỉ

Vỗ

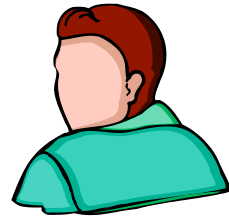
Vộ

H. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

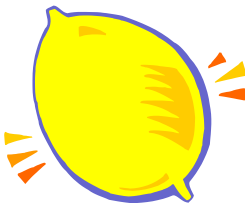
va li



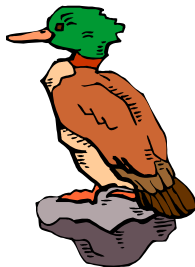
tì vi



vai



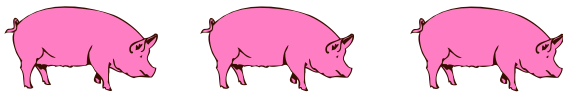
màu vàng

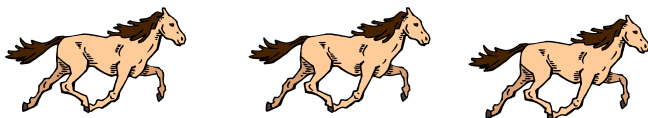
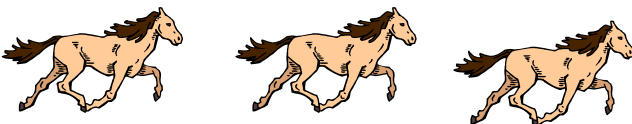


vịt



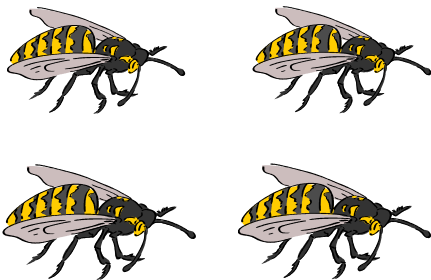
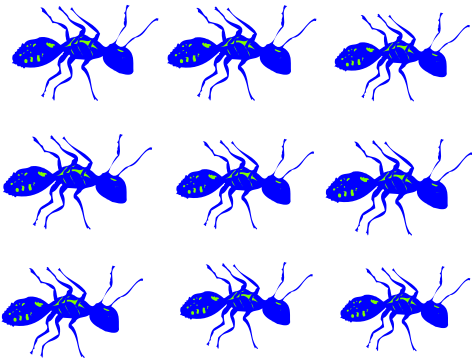
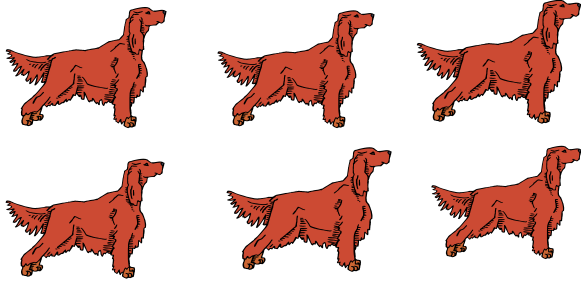
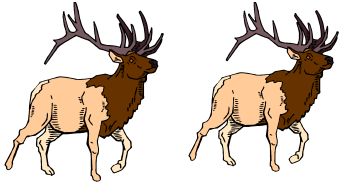
vẽ

I. Đếm những thú vật và viết số bên cạnh



KHAI TÂM

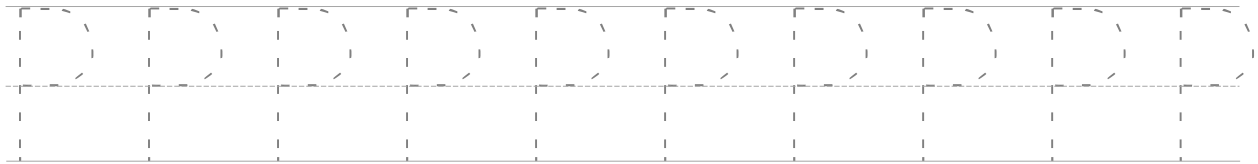
Tên: _____



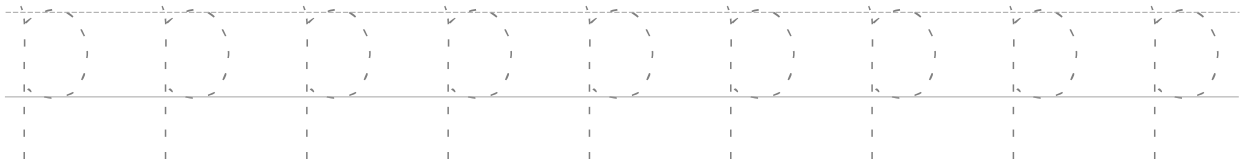
Bài học 16

P p ph

A. Tập viết



Two sets of blank three-line grids (top solid, middle dashed, bottom solid) for independent handwriting practice.



Handwriting practice lines consisting of three horizontal lines (top, middle dashed, and bottom) repeated twice.

Handwriting practice for the character '心' (heart) in cursive script. The character is shown five times in a row, with dashed lines indicating the stroke order and direction.

Handwriting practice lines consisting of three horizontal lines (top, middle dashed, and bottom) repeated twice.

Handwriting practice for the character '心' (heart) in cursive script. The character is shown five times in a row, with dashed lines indicating the stroke order and direction.

Handwriting practice lines consisting of three horizontal lines (top, middle dashed, and bottom) repeated twice.

Handwriting practice lines consisting of three horizontal lines (top, middle dashed, and bottom) repeated twice.

B. Tập đọc

Pha Phá Phà Phả
Phễ Phệ Phủ Phụ
phe phè phỗ phở
phi phí phì phị

C. Tập viết

phá

phà

phả

phụ

D. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

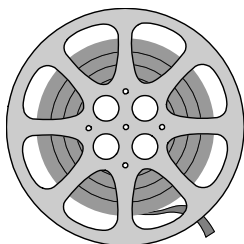
phở



pháo



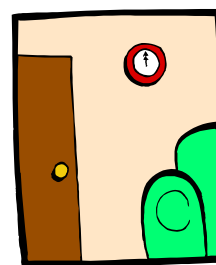
phao



phim



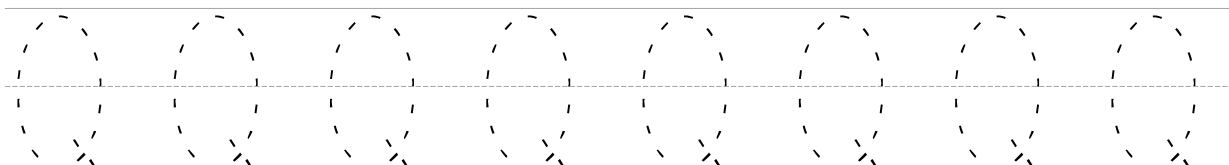
phấn



phòng

Đ. Tập viết

Q q qu



Handwriting practice lines consisting of three sets of horizontal lines (top solid, middle dashed, bottom solid).

Handwriting practice for the letter 'o' (lowercase) on a three-line grid. The letter is shown in a dashed format for tracing, repeated ten times across the middle line.

Handwriting practice lines consisting of three sets of horizontal lines (top solid, middle dashed, bottom solid).

Handwriting practice for the letter 'ou' (lowercase) on a three-line grid. The letter is shown in a dashed format for tracing, repeated five times across the middle line.

Handwriting practice lines consisting of three sets of horizontal lines (top solid, middle dashed, bottom solid).

qu qu qu qu qu

E. Tập đọc

Qua Quá Quà Quở

Quạ Que Què Quẻ

G. Tập viết

quẻ

quà

quả

quạ

H. Tập đọc**Đọc tên những hình sau đây:**

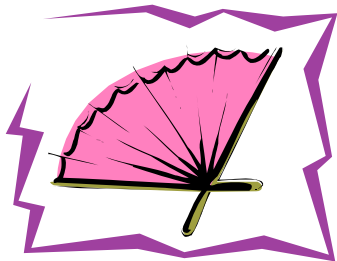
quả cam



quà



quạ



quạt

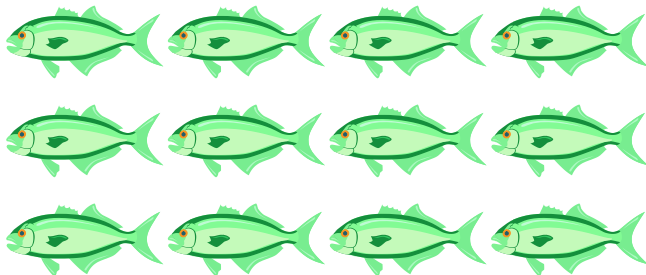
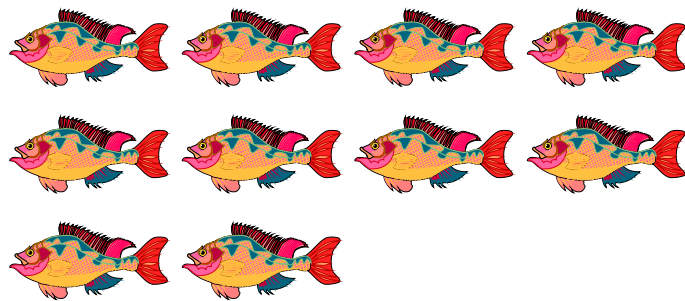
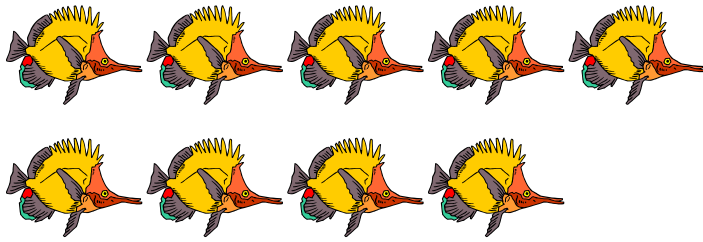


quẹt



quần

I. Đếm những con cá và viết số bên cạnh



Ă ă

Â â

A. Tập viết

Ă

ă

Â

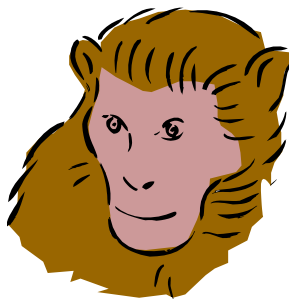
â

B. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:



mắt



mặt



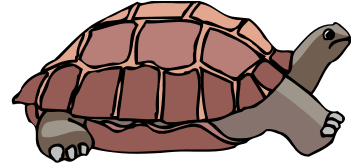
rắn



mật ong



bần



chậm

C. Tập viết

mắt

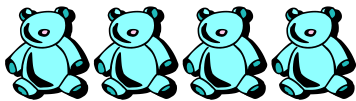
mật

mật

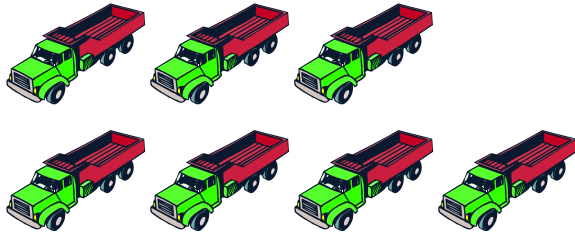
mật

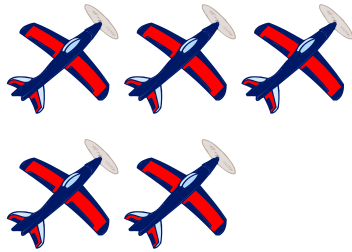
bần

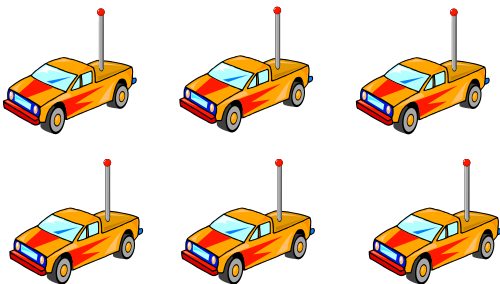
D. Đếm những đồ chơi và viết số bên cạnh







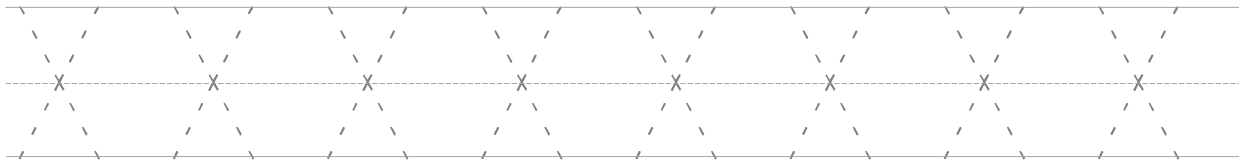


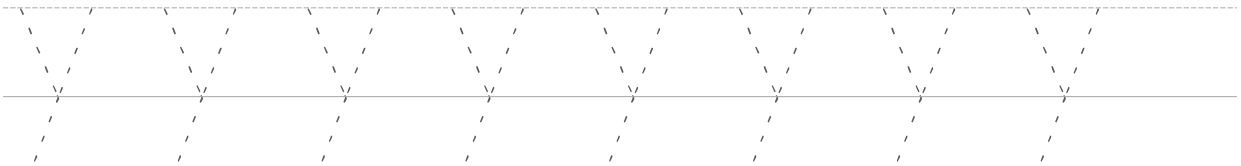
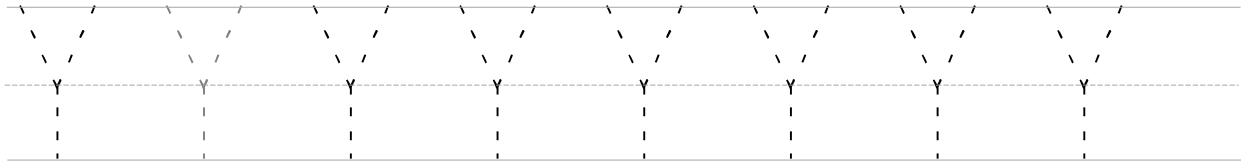


Bài học 18

X x Y y

A. Tập viết





B. Tập đọc

Xa Xá Xà Xả Xã Xạ

Xe Xé Xẻ Xỉ Xị

xô xỏ xơ xờ xo xó

xu xù xử xứ

ký kỳ kỷ kỹ kỵ

Lý Lý Mỹ Mỹ

quy quý quở quỹ

C. Tập viết

xá

xà

xả

xã

xạ

kỵ

kỳ

kỷ

kỹ

kỵ

D. Tập đọc

Đọc tên những hình sau đây:



xà bông



xe đạp



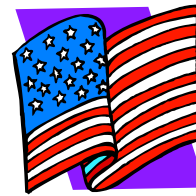
xoài



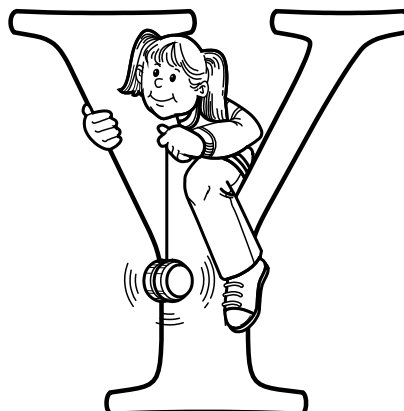
xôi



ly



Mỹ



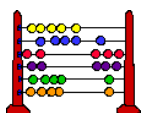
E. Đếm đồ chơi và viết số bên dưới















505 N. Palm Ave. Ontario, CA 91762

Website: nuvuongvietnam.com

Email: vietngu.nuvuong@yahoo.com